

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số 1891/GDDĐT-TC

V/v lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

Kính gửi:

- Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông công lập;
- Thủ trưởng đơn vị trực thuộc.

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận công văn số 1730/SNV-CCVC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Sở Nội vụ về việc lập danh sách và hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020,

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Lập hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 gồm các thành phần và sắp xếp theo thứ tự sau:

- Công văn cử viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020.

- 02 biểu mẫu báo cáo (đính kèm) gồm:

➤ Báo cáo cơ cấu, số lượng và nhu cầu dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2020 (Biểu số 1).

➤ Danh sách viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Biểu số 2).

- Hồ sơ cá nhân viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 2 bộ gồm:

➤ Đơn đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (đính kèm);

➤ Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

➤ Bản nhận xét, đánh giá 03 năm liên tục gần nhất (2017, 2018, 2019) của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

➤ Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

➤ Bản sao quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức và quyết định lương hiện hưởng;

➤ Các thành phần khác theo quy định về tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng (nếu có).

**Lưu ý:** Trong quá trình lập hồ sơ viên chức đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đề nghị các đơn vị lưu ý một số nội dung sau:

- Không thay đổi biểu mẫu đăng ký, giữ nguyên số dòng, cột và nội dung của các biểu mẫu;

- Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải đảm bảo phù hợp với cơ cấu, số lượng và nhu cầu dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị;

- Thẩm định tiêu chuẩn về quản lý nhà nước và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học theo hướng dẫn đính kèm.

2. Gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ - Chuyên viên Phạm Nguyễn Trâm Anh, đồng thời gửi tập tin 02 file biểu mẫu báo cáo về địa chỉ email [pntanh.sgddt@tphcm.gov.vn](mailto:pntanh.sgddt@tphcm.gov.vn)) trước Thứ Sáu, ngày 22 tháng 5 năm 2020. Sau thời hạn này, Sở Giáo dục và Đào tạo không tiếp nhận hồ sơ của đơn vị gửi.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị đơn vị khẩn trương thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB. TA. 2

TL. GIÁM ĐỐC  
KT. TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Kim Xuyên

## HƯỚNG DẪN CÁC TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ CHỨNG CHỈ TIN HỌC

(Kèm theo Công văn số 1391 /GDĐT-TC ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

### I. TIÊU CHUẨN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGẠCH CÔNG CHỨC/CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

- Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký dự thi vào ngạch công chức/CDNN nào thì phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước/chuyên ngành tương ứng với ngạch/CDNN đó.

- Áp dụng chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức cho viên chức giữ CDNN hạng tương đương làm việc ở bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, kế hoạch, tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập<sup>1</sup>.

*Ví dụ: Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký thi nâng ngạch/thăng hạng lên chuyên viên chính (Mã số: 01.002) thì phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính. Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II phải nộp chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng II<sup>2</sup>.*

\* **Lưu ý:** Các trường hợp được miễn chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch hành chính<sup>3</sup>, bao gồm:

- Người có 01 trong các bằng cấp sau đây thì không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch *chuyên viên*: bằng tốt nghiệp *tiến sĩ hành chính công; thạc sĩ hành chính công; cử nhân hành chính/cử nhân quản lý nhà nước*.

- Người có 01 trong các bằng cấp sau đây thì không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch *chuyên viên chính*: bằng tốt nghiệp *Cao cấp lý luận chính trị - hành chính; tiến sĩ hành chính công; thạc sĩ hành chính công*.

*(Lưu ý: Nếu chỉ là bằng tốt nghiệp Cao cấp lý luận chính trị thì không thay thế được cho các chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước nêu trên).*

### II. TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ

a) Cán bộ, công chức, viên chức phải có bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ bắt buộc theo yêu cầu của tiêu chuẩn ngạch công chức/CDNN viên chức đăng ký dự thi.

b) Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và các văn bản có liên quan<sup>4</sup>, việc quy đổi các bằng cấp, chứng chỉ về ngoại ngữ được thực hiện như sau:

<sup>1</sup> Khoản 1, Điều 18 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

<sup>2</sup> Điều d, Khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên trung học phổ thông công lập

<sup>3</sup> Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ về quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức

<sup>4</sup> Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2426/GDDĐT-TC ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với tiếng Anh:

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương									
	Chứng chỉ theo QĐ 177 <sup>5</sup>	Chứng chỉ theo QĐ 66 <sup>6</sup>	IELTS	TOEFL			TOEIC	Chứng chỉ khác		
				PBT	CBT	iBT		GE	BEC	BULAS
Bậc 1	Trình độ A	A1	2.0				120	Preliminary KET		
Bậc 2	Trình độ B	A2	3.0			40	225	Preliminary PET		20
Bậc 3	Trình độ C	B1	4 - 4.5	450	133	45	450	FCE	Business Preliminary	40
Bậc 4		B2	5 - 6	500	173	61	600	CAE	Business Vantage	60
Bậc 5		C1	6.5 - 7.5			90	850	CPE	Business Higher	75
Bậc 6		C2	8 - 9							90

(Điểm số trên là điểm tối thiểu đạt được ở mỗi trình độ).

- Đối với ngoại ngữ khác (chỉ công nhận 04 ngoại ngữ: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Trung Quốc):

Khung năng lực 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương			
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung Quốc
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp độ 1
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp độ 2
Bậc 3	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3
Bậc 4	TRKI 2	DELTA B2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4
Bậc 5	TRKI 3	DALF C1		HSK cấp độ 5
Bậc 6	TRKI 4	DALF C2		HSK cấp độ 6

\* **Lưu ý:**

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp **sau ngày 15 tháng 5 năm 2019** phải theo danh mục các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

- Chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (**chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C**) phải được cấp trước ngày 15 tháng 01 năm 2020<sup>7</sup>.

<sup>5</sup> Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C.

<sup>6</sup> Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.

<sup>7</sup> Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

### III. TIÊU CHUẨN VỀ TIN HỌC

- Cán bộ, công chức, viên chức phải nộp *chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản* theo quy định<sup>8</sup>.

- Nếu cán bộ, công chức, viên chức đang có *chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp trước ngày 10 tháng 8 năm 2016* thì được công nhận tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản<sup>9</sup>.

---

<sup>8</sup> Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

<sup>9</sup> Khoản 2, Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin